

Số: 1726 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 15 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành các Quy trình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong lĩnh vực Tài chính, Doanh nghiệp, Đầu tư xây dựng, Quy hoạch, Kinh tế đối ngoại, Ngoại vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 về quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành các Quy trình áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong lĩnh vực Tài chính, Doanh nghiệp, Đầu tư xây dựng, Quy hoạch, Kinh tế đối ngoại, Ngoại vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh *(theo danh mục đính kèm)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và CV;
- Lưu VT, TKISO.

CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ

Phụ lục
DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ
CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015 TRONG
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH, DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, QUY
HOẠCH, KINH TẾ ĐỐI NGOẠI, NGOẠI VỤ THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1726 /QĐ-UBND ngày 15/7/2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

STT	Tên Quy trình	Ghi chú
1.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)	
2.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
3.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc Hội	
4.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
5.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	
6.	Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ)	
7.	Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)	
8.	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)	
9.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
10.	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
11.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
12.	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
13.	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
14.	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
15.	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
16.	Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển	

17.	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư	
18.	Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	
19.	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
20.	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	
21.	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án	
22.	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi	
23.	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
24.	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	
25.	Giải thể công ty TNHH một thành viên	
26.	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý	
27.	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	
28.	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập	
29.	Phê duyệt Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh	
30.	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện đối với người quản lý Công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	
31.	Xếp hạng công ty TNHH một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	
32.	Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
33.	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	
34.	Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	
35.	Tiếp nhận dự án nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
36.	Tiếp nhận dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	
37.	Xác nhận chuyên gia	
38.	Cho phép tổ chức hội thảo có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế do cơ quan, tổ chức nước ngoài tổ chức	
39.	Thủ tục cho phép tổ chức hội thảo có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (Do cơ quan, tổ chức Việt Nam tổ chức)	
40.	Thủ tục xuất cảnh của cán bộ, công chức, viên chức tỉnh	

41.	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt	
42.	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	
43.	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	
44.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
45.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
46.	Thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch vùng	
47.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
48.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết)	
49.	Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch vùng	
50.	Thẩm định, phê duyệt Quy định về quản lý quy hoạch xây dựng	
51.	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
52.	Quyết định bán tài sản công	trừ nhà ở
53.	Quyết định bán tài sản công cho người duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	
54.	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công	
55.	Quyết định điều chuyển tài sản công	
56.	Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản công	
57.	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư	
58.	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công – tư	
59.	Quyết định thanh lý tài sản công	
60.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước	
61.	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	
62.	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị	
63.	Quyết định tiêu hủy tài sản công	
64.	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án	

65.	Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại	
66.	Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc	
67.	Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	
68.	Phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	
69.	Phê duyệt điều chỉnh dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	
70.	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình	
71.	Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành - Dự án nhóm A	
72.	Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành - Dự án nhóm B	